

THÔNG BÁO

Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng thông báo thông tin tuyển sinh và đào tạo đối với khóa tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hệ chính quy 2016 như sau:

1. Các chương trình đào tạo đại trà:

1.1. Ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển

Thí sinh phải có tổng điểm các môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển từ 16,0 điểm trở lên và có hạnh kiểm các năm học THPT từ loại Khá trở lên (Trường kiểm tra học bạ sau khi nhập học).

1.2. Thời gian khóa học và yêu cầu để được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng

- Thời gian khóa học: gồm 9 học kỳ, được phân bổ trong 4,5 năm.
- Sinh viên thỏa mãn các quy định tại Điều 26 của Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-ĐHBK ngày 07/07/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa sẽ được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng.
 - + Về ngoại ngữ, phải đạt năng lực từ bậc 3 trở lên theo thang năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam;
 - + Về công nghệ thông tin, phải đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cơ bản và chuẩn CNTT ứng dụng.

1.3. Học phí

Học phí mỗi học kỳ được tính theo số tín chỉ sinh viên đăng ký học. Đơn giá học phí tín chỉ được tính theo mức học phí quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 02/10/2015. Mức học phí bình quân hàng tháng (mỗi năm học có 10 tháng) như sau:

| Năm học | 2016-2017 | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 |
|-------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Học phí (đồng/ sinh viên/ tháng) | 790.000 | 870.000 | 960.000 | 1.060.000 | 1.170.000 |

1.4. Ngành, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển, tiêu chí xét tuyển: Theo Phụ lục 1.

2. Chương trình tiên tiến (đào tạo theo chương trình của đại học Hoa Kỳ)

2.1. Ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển

Thí sinh phải có tổng điểm các môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển từ 16,0 điểm trở lên và có hạnh kiểm các năm học THPT từ loại Khá trở lên (Trường kiểm tra học bạ sau khi nhập học).

2.2. Thời gian khóa học và yêu cầu để được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng

- Thời gian khóa học: 4,5 năm; mỗi năm học có 3 học kỳ.
- Sinh viên thỏa mãn các quy định tại Điều 26 của Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-ĐHBK ngày 07/07/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa sẽ được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng.

- + Về ngoại ngữ, phải đạt năng lực từ bậc 4 trở lên theo thang năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc có chứng nhận tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEFL iBT 71, TOEFL PBT 530, IELTS 6.0);
- + Về công nghệ thông tin, phải đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cơ bản và chuẩn CNTT ứng dụng.
- Sinh viên đã hoàn tất 3 năm học đầu được đăng ký học chuyển tiếp và có cơ hội nhận học bổng để học tiếp 2 năm học cuối tại các trường đối tác nước ngoài và được các Trường này cấp bằng tốt nghiệp: Catholic University of America (học bổng 50%), Portland State University, Texas Tech University, University of Reading.

2.3. Học phí

- Học phí đóng theo học kỳ: 10 triệu đồng/ sinh viên/ học kỳ. Mỗi năm học có 3 học kỳ;
- Sinh viên học chuyển tiếp ở nước ngoài: đóng học phí thời gian chuyển tiếp theo mức học phí tại trường đối tác.

2.4. Ngành, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển, tiêu chí xét tuyển: Theo Phụ lục 2.

2.5. Cơ hội việc làm, học chuyển tiếp sau đại học:

- Sinh viên tốt nghiệp Chương trình tiên tiến tại Trường Đại học Bách khoa được đăng ký học tiếp Thạc sĩ và Tiến sĩ tại các Trường đối tác: Catholic University of America (học bổng 50%), Texas Tech University, University of Leeds, University of Northampton, Santakunta University of Applied Science, Nice Sophia Antipolis, Buskerud and Vestfold University College;
- Sinh viên có cơ hội việc làm ngay từ khi thực tập và làm đồ án tốt nghiệp tại các tập đoàn quốc tế (Bosch, Intel, eSilicon, Foster, ...), các công ty Nhật Bản (Renesas, Mabuchi Motor, Foster, Unitec, Shinko Technos, Takemoto Denki, ...) và các công ty lớn trong nước (FPT, Mobiphone, Vinaphone, Viettel, VTI, VTN, ...).
- Website chương trình: <http://coe.dut.udn.vn>

3. Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp

3.1. Ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển

Thí sinh phải có tổng điểm các môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển từ 16,0 điểm trở lên và có hạnh kiểm các năm học THPT từ loại Khá trở lên (Trường kiểm tra học bạ sau khi nhập học).

3.2. Thời gian khóa học và yêu cầu để được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng

- Thời gian khóa học: 5 năm; mỗi năm học có 2 học kỳ.
- Sinh viên phải thỏa mãn các quy định tại Điều 17 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt yêu cầu chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và công nghệ thông tin:
 - + Về công nghệ thông tin, phải đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cơ bản và chuẩn CNTT ứng dụng.
 - + Về ngoại ngữ, phải đạt năng lực từ bậc 3 trở lên theo thang năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
 - + Ngoài ra, sinh viên sẽ được cấp bằng “Kỹ sư chất lượng cao” và Phụ lục văn bằng nếu được đánh giá Đạt trong đợt bảo vệ Đồ án tốt nghiệp bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp trước Hội đồng chấm Đồ án tốt nghiệp Pháp-Việt (gồm giảng viên người Pháp và Việt Nam) và đạt trình độ ngoại ngữ Tiếng Pháp DELF B1 và Tiếng Anh TOEFL 500.

3.3. Học phí

Sinh viên đóng học phí theo từng học kỳ theo mức như bảng dưới đây. Mỗi năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ 5 tháng.

| Năm học | 2016-2017 | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 |
|-------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Học phí (đồng/ sinh viên/ tháng) | 1.200.000 | 1.300.000 | 1.450.000 | 1.600.000 | 1.750.000 |

3.4. **Ngành, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển, tiêu chí xét tuyển:** Theo Phụ lục 3.

3.5. Cơ hội việc làm, học sau đại học:

- Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp tại Trường Đại học Bách khoa có thể học tiếp 06 tháng để nhận bằng Thạc sĩ;
- Sinh viên có cơ hội việc làm ngay từ khi thực tập và làm đề án tốt nghiệp tại các tập đoàn quốc tế (Bosch, Foster,...), các công ty Nhật Bản (Renasas, Mabuchi Motor, ...) và các công ty lớn trong nước.
- Website chương trình: <http://clc.dut.udn.vn>

4. Các chương trình chất lượng cao

4.1. Ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển

Thí sinh phải có tổng điểm các môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển từ 16,0 điểm trở lên và có hạnh kiểm các năm học THPT từ loại Khá trở lên (Trường kiểm tra học bạ sau khi nhập học). Đối với ngành Kiến trúc: còn có thêm yêu cầu điểm môn Vẽ $\geq 5,0$.

4.2. Thời gian khóa học và yêu cầu để được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng

- Thời gian khóa học: gồm 9 học kỳ, được phân bổ trong 4,5 năm.
- Sinh viên thỏa mãn các quy định tại Điều 26 của Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-ĐHKB ngày 07/07/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa sẽ được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng.
 - + Về ngoại ngữ: phải đạt năng lực Anh ngữ từ bậc 4 trở lên theo thang năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam; đối với sinh viên Chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin định hướng chuẩn Nhật Bản thì phải đạt năng lực Nhật ngữ bậc 3 theo thang JLPT;
 - + Về công nghệ thông tin, phải đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cơ bản và chuẩn CNTT ứng dụng.

4.3. Học phí

Sinh viên đóng học phí theo học kỳ. Mỗi năm học có 2 học kỳ. Mức học phí như sau:

| Năm học | 2016-2017 | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 |
|------------------------------------|-----------|------------|------------|------------|------------|
| Học phí (đồng/sinh viên/học kỳ) | 9.875.000 | 10.875.000 | 12.000.000 | 13.250.000 | 14.625.000 |

Học phí học ngoại ngữ:

- Các học phần ngoại ngữ nằm ngoài chương trình đào tạo. Điểm ngoại ngữ không tính vào kết quả học tập học kỳ và toàn khóa. Học phí ở bảng trên không bao gồm học phí học ngoại ngữ;

- - Nhà trường hỗ trợ chi phí tổ chức lớp học 10 tín chỉ Anh văn (hoặc 10 tín chỉ Nhật ngữ
- đối với lớp Công nghệ thông tin Nhật ngữ) để tăng cường năng lực ngoại ngữ bước đầu cho sinh viên chương trình chất lượng cao. Ngoài ra, sinh viên cần phải có ý thức tự trau dồi ngoại ngữ để đảm bảo chuẩn ngoại ngữ đầu ra đạt bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

4.4. Ngành, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển, tiêu chí xét tuyển: Theo Phụ lục 4.

5. Nguyên tắc xét tuyển các nguyện vọng, xét tuyển liên thông

- Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 2 nguyện vọng Trường Đại học Bách khoa; các nguyện vọng có giá trị xét tuyển như nhau;
- Các tổ hợp xét tuyển có độ ưu tiên như nhau;
- Nếu có các thí sinh đồng điểm xét tuyển thì xét điểm các môn theo thứ tự ưu tiên theo tuần tự của tổ hợp (*xem chi tiết trong các Phụ lục*).
- Đối với ngành có tuyển sinh liên thông: chỉ tiêu liên thông mỗi ngành tối đa là 10 và điểm trúng tuyển liên thông không thấp hơn điểm trúng tuyển thí sinh PTTH quá 1,5 điểm. Trường hợp không tuyển đủ liên thông, chỉ tiêu liên thông được chuyển sang chỉ tiêu tuyển thí sinh PTTH vào cùng ngành, chương trình.
- Sau khi nhập học, sinh viên các ngành khác có thể xin xét chuyển sang học chương trình tiên tiến, chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp nếu chương trình còn chỉ tiêu và sinh viên có điểm xét tuyển phù hợp và có điểm Tiếng Anh (thi THPT hoặc chứng chỉ) cao.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Thông báo website;
- Các khoa, phòng, CTTT, PFIEV;
- Đại học Đà Nẵng (để xét tuyển, báo cáo);
- Lưu Phòng Đào tạo, Kế hoạch-Tài chính.

GS. TS. Lê Kim Hùng

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2016
PHỤ LỤC 1 - KÈM THEO THÔNG BÁO SỐ: /ĐHBK-ĐT NGÀY 28/07/2016

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chỉ tiêu | Tổ hợp xét tuyển | Tiêu chí phụ đối với các TS cùng điểm | Điểm chuẩn giữa các tổ hợp |
|----|--|----------|----------|--|---------------------------------------|----------------------------|
| 1 | Sư phạm kỹ thuật công nghiệp <i>Chuyên ngành SPKT điện - điện tử</i> | D140214 | 45 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 2 | Công nghệ thông tin | D480201 | 190 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 3 | Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng | D510105 | 60 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 4 | Công nghệ chế tạo máy | D510202 | 120 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 5 | Quản lý công nghiệp | D510601 | 60 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 6 | Kỹ thuật cơ khí - <i>chuyên ngành Cơ khí động lực</i> | D520103 | 125 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 7 | Kỹ thuật cơ - điện tử | D520114 | 110 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 8 | Kỹ thuật nhiệt - <i>chuyên ngành Nhiệt điện lạnh; Kỹ thuật năng lượng & môi trường</i> | D520115 | 110 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 9 | Kỹ thuật tàu thủy | D520122 | 50 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 10 | Kỹ thuật điện, điện tử | D520201 | 135 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 11 | Kỹ thuật điện tử & viễn thông | D520209 | 105 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 12 | Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa | D520216 | 95 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 13 | Kỹ thuật công trình xây dựng | D580201 | 210 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 14 | Kỹ thuật công trình thủy | D580202 | 65 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chỉ tiêu | Tổ hợp xét tuyển | Tiêu chí phụ đối với các TS cùng điểm | Điểm chuẩn giữa các tổ hợp |
|----|---|-----------|----------|---|---------------------------------------|----------------------------|
| 15 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | D580205 | 130 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 16 | Kỹ thuật xây dựng - chuyên ngành Tin học xây dựng | D580208 | 50 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 17 | Kinh tế xây dựng | D580301 | 100 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 18 | Công nghệ sinh học | D420201 | 60 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 19 | Công nghệ thực phẩm | D540101 | 80 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 20 | Kỹ thuật môi trường | D520320 | 70 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 21 | Quản lý tài nguyên & môi trường | D850101 | 60 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 22 | Kỹ thuật hóa học | D520301 | 70 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 23 | Công nghệ chế tạo máy (LT) | D510202LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 24 | Kỹ thuật cơ khí (LT) | D520103LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 25 | Kỹ thuật cơ - điện tử (LT) | D520114LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 26 | Kỹ thuật nhiệt (LT) | D520115LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 27 | Kỹ thuật điện, điện tử (LT) | D520201LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 28 | Kỹ thuật điện tử & viễn thông (LT) | D520209LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 29 | Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa (LT) | D520216LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 30 | Kỹ thuật công trình xây dựng (LT) | D580201LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 31 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (LT) | D580205LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chỉ tiêu | Tổ hợp xét tuyển | Tiêu chí phụ đối với các TS cùng điểm | Điểm chuẩn giữa các tổ hợp |
|----|--------------------------|-----------|----------|---|---------------------------------------|----------------------------|
| 32 | Công nghệ sinh học (LT) | D420201LT | 10 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 33 | Công nghệ thực phẩm (LT) | D540101LT | 10 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 34 | Kỹ thuật môi trường (LT) | D520320LT | 10 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 35 | Kỹ thuật hóa học (LT) | D520301LT | 10 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 36 | Kinh tế xây dựng (LT) | D580301LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 37 | Kiến trúc (LT CLC) | D580102LT | 10 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |

Ghi chú: - Các ngành có ký hiệu LT là các ngành tuyển sinh liên thông cao đẳng lên đại học.

- Điểm trúng tuyển liên thông không thấp hơn điểm trúng tuyển thí sinh PTTH quá 1,5 điểm. Trường hợp không tuyển đủ liên thông, chỉ tiêu liên thông được chuyển sang chỉ tiêu tuyển thí sinh PTTH vào cùng ngành, chương trình.

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2016
PHỤ LỤC 2 - KÈM THEO THÔNG BÁO SỐ: /ĐHBK-ĐT NGÀY 28/07/2016

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chỉ tiêu | Tổ hợp xét tuyển | Tiêu chí phụ đối với các TS cùng điểm | Điểm chuẩn giữa các tổ hợp |
|----|---|----------|----------|---|---------------------------------------|----------------------------|
| 1 | Chương trình tiên tiến ngành Điện tử viễn thông | D905206 | 80 | 1. Anh*2 + Toán + Lý 2. Anh*2 + Toán + Hóa | Ưu tiên theo thứ tự: Anh, Toán | Bằng nhau |
| 2 | Chương trình tiên tiến ngành Hệ thống nhúng | D905216 | 40 | 1. Anh*2 + Toán + Lý 2. Anh*2 + Toán + Hóa | Ưu tiên theo thứ tự: Anh, Toán | Bằng nhau |

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2016
PHỤ LỤC 3 - KÈM THEO THÔNG BÁO SỐ: /ĐHBK-ĐT NGÀY 28/07/2016

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chỉ tiêu | Tổ hợp xét tuyển | Tiêu chí phụ đối với các TS cùng điểm | Điểm chuẩn giữa các tổ hợp |
|----|---|----------|----------|--|---------------------------------------|----------------------------|
| 1 | Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp | PFIEV | 80 | 1. Toán*3 + Lý*2 + Hóa 2. Toán*3 + Lý*2 + Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |

Ghi chú: - Sau 3 học kỳ, sinh viên phải dự thi phân ngành;
- Sinh viên đạt kỳ thi phân ngành sẽ được phân vào một trong các ngành:
+ Công nghệ thông tin, chuyên ngành Công nghệ phần mềm;
+ Kỹ thuật cơ khí, chuyên ngành Sản xuất tự động;
+ Kỹ thuật điện, chuyên ngành Tin học công nghiệp.

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2016
PHỤ LỤC 4 - KÈM THEO THÔNG BÁO SỐ: /ĐHBK-ĐT NGÀY 28/07/2016

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Chỉ tiêu | Tổ hợp xét tuyển | Tiêu chí phụ đối với các TS cùng điểm | Điểm chuẩn giữa các tổ hợp |
|----|---|-------------|----------|---|---------------------------------------|----------------------------|
| 1 | Kỹ thuật điện tử & viễn thông (CLC) | D520209CLC | 90 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 2 | Công nghệ thông tin (CLC ngoại ngữ Anh) | D480201CLC1 | 45 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 3 | Công nghệ thông tin (CLC ngoại ngữ Nhật) | D480201CLC2 | 45 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 4 | Kỹ thuật điện, điện tử (CLC) | D520201CLC | 45 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 5 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (CLC) | D520216CLC | 45 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 6 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (CLC) | D580205CLC | 45 | 1. Toán + Vật lí + Hóa học 2. Toán + Vật lí + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Lý | Bằng nhau |
| 7 | Công nghệ thực phẩm (CLC) | D540101CLC | 45 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 8 | Kỹ thuật dầu khí (CLC) | D520604CLC | 80 | 1. Toán + Hóa học + Vật lí 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa | Bằng nhau |
| 9 | Kiến trúc (CLC) | D580102CLC | 80 | 1. Vẽ + Toán + Ngữ văn 2. Vẽ + Toán + Lý 3. Vẽ + Toán + Tiếng Anh | Ưu tiên theo thứ tự: Vẽ, Toán | Bằng nhau |